

Phụ lục 01

KINH PHÍ THỰC HIỆN TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP

(Kèm theo Công văn số

/UBND-PKTHĐT ngày

/11/2025 của UBND phường Trương Quang Trọng)

DVT: đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí chi trả			Nguồn kinh phí chi trả			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Nguồn đơn vị chi trả	Nguồn NSNN cấp	
			Nghỉ hưu trước tuổi	Thôi việc ngay			Từ nguồn cải cách tiền lương của xã	Từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh
(1)	(2)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)
1	Phường Trương Quang Trọng	501.058.467	501.058.467		501.058.467			501.058.467
	TỔNG CỘNG	501.058.467	501.058.467	0	501.058.467	0	0	501.058.467

PHỤ LỤC 02																							
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2025																							
(Kèm theo Công văn số /UBND-PKTHĐT ngày /11/2025 của UBND phường Trương Quang Trọng)																							
TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có)		Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tiền lương tháng hiện hưởng (đồng)	Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí để thực hiện tính giản biên chế (đồng)			
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+13+24	22	23	24
	PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG																			501.058.467	318.132.360	79.533.090	103.393.017
*	Trường THCS Tịnh An																						
1	Trương Phan Thị Kim Ngân	09/8/1971	Đại học	Giáo viên Trường THCS Tịnh An	4,98	26/4/2024			30%	16/12/2024	5%	24/12/2024			32 năm 10 tháng	15.906.618	54 tuổi 1 tháng	01/10/2025	3 năm 11 tháng	501.058.467	318.132.360	79.533.090	103.393.017
	TỔNG CỘNG																			501.058.467	318.132.360	79.533.090	103.393.017